

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG HỒ  
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 142/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22/12/2020

V/v " Tranh chấp ly hôn"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Huỳnh Tấn Phong**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Trần Văn Hưng**

2. Ông **Lê Việt Hùng**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thế Anh** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa:* Không tham gia

Trong ngày 22 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 445/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Cẩm Y**, sinh năm 1982 (xin vắng)

Địa chỉ: Ấp 4, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

\* Bị đơn: Anh **Bùi Văn S**, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm Y trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2001 qua quen biết tìm hiểu nhau chị Trần Thị Cẩm Y và anh Bùi Văn S đã tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo tập quán nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, anh S có thói quen uống rượu với bạn bè và cờ bạc không quan tâm đến gia đình, bản thân chị

Y đã nhiều lần cố gắng khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không được, chị Y và anh S đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay chị Y nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh S không còn do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Trần Thị Cẩm Y yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn S.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Thúy T, sinh ngày 27/02/2002. Hiện nay con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Bùi Văn S vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ và cũng không gửi bản khai ý kiến cho Tòa án.

\* Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm Y có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn anh Bùi Văn S vắng mặt không có lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Trần Thị Cẩm Y có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân của chị và anh Bùi Văn S. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm Y có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; Bị đơn anh Bùi Văn S vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị Trần Thị Cẩm Y và anh Bùi Văn S.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2001 qua quen biết tìm hiểu nhau chị Trần Thị Cẩm Y và anh Bùi Văn S đã tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo tập quán nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Cẩm Y, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Y và anh S sống chung như vợ chồng từ năm 2001 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn là hôn nhân không hợp pháp, không được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là trái với quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị Y và anh S có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và

nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hơn nữa chị Y và anh S phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc chị và anh S đã ly thân từ năm 2013 đến nay cho thấy mâu thuẫn giữa chị Y và anh S ngày càng trầm trọng hơn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Cẩm Y và anh Bùi Văn S.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Thúy T, sinh ngày 27/02/2002. Hiện nay con chung đã trưởng thành, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Cẩm Y là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí giải quyết vụ án hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng các Điều: 26, 35, 39, 147, 227, 228, 238 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Áp dụng Điều 14 và Điều 53 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Cẩm Y và anh Bùi Văn S.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Thúy T, sinh ngày 27/02/2002. Hiện nay con chung đã trưởng thành, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Trần Thị Cẩm Y nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0006148 ngày 15/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên trực tiếp giải quyết theo thủ tục phúc thẩm./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS nhân dân huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Huỳnh Tấn Phong**